TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/03/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Việt;

2. Bà Cao Thị Bích Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2021/TLST- HNGĐ, ngày 11/12/2021 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị L, sinh năm 1970 (có mặt);
2. Bị đơn: Trương Minh T, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm Phú Hưng, TT. Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn,bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T có quen biết tìm hiểu nhau khoảng 04 năm. Năm 1996, chị và anh T chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới. Năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T thường hay ăn nhậu, kiếm chuyện vô cớ và xúc phạm chị L. Năm 2018, chị L khởi kiện xin ly hôn. Anh T có viết Tờ cam kết hứa sẽ không nhậu và không xúc phạm chị nên chị đã rút đơn không yêu cầu ly

hôn để cho anh T thêm cơ hội sửa chữa. Nhưng đến nay anh T vẫn không sửa đổi vẫn nhậu thường xuyên và xúc phạm chị. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 09/2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 03 con chung tên Trương Minh Psinh năm 1996, Trương Minh V sinh năm 1998 và Trương Minh Phú Q sinh ngày 18/03/2008. Chị L yêu cầu được nuôi Phú Quí sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trương Kim P và Trương Minh V đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Trương Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị L có quen biết tìm hiểu được vài năm đến năm 1995 có tổ chức cưới và chung sống với nhau đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, anh có thường hay nhậu nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ đi Phú Quốc rồi trở về xin ly hôn. Anh T cũng đã cam kết sẽ thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ chung sống trở lại. Thời gian chung sống trở lại anh T cũng có thay đổi nhưng chị L thường hay đi chơi nên vợ chồng có cải nhau vì vậy chị L tiếp tục xin ly hôn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh cũng động viên chị L chung sống trở lại nhưng chị L không đồng ý. Hiện nay anh T còn tình cảm với chị L nên chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: có 03 con chung tên Trương Minh Psinh năm 1996, Trương Minh V sinh năm 1998 và Trương Minh Phú Q sinh năm 2008. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn về con chung anh cũng đồng ý để Phú Quí cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh không cấp dưỡng nuôi con. Trương Kim Pvà Trương Minh V đã trưởng thành nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị L được ly hôn với anh Trương Minh T. Về con chung: áp dụng điều 81 chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Trương Minh Phú Q sinh ngày 18/03/2008 cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Trần Thị L và anh Trương Minh T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có hộ khẩu thường trú tại khóm Phú Hưng, TT. Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị L và anh Trương Minh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường hay nhậu và có lời lẽ xúc phạm chị nên chị đã khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, anh T có cam kết với chị sẽ sửa đổi để vợ chồng chung sống trở lại. Chị L đã rút đơn để cho anh T thêm cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, thời gian chung sống trở lại anh T vẫn không sửa đổi được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Anh T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngoài việc anh thường hay nhậu còn có nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc là do chị L thường hay bỏ nhà đi chơi nên anh đã có những lời lẽ không hay với chị. Trong thời gian sống ly thân anh T cũng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không không đồng ý và vẫn kiên quyết ly hôn. Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L nên chị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Xét thấy vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống, anh T thường hay nhậu và xúc phạm chị L, chị L cũng cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi được nên vợ chồng sống ly thân. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay thời gian cũng đã lâu nhưng anh T cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại với nhau, điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị L với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trương Minh T.

[2.2] Về con chung: chị L yêu cầu được nuôi Trương Minh Phú Q sinh ngày 18/03/2008 sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trương Kim Pvà Trương Minh V đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Minh Trung cũng đồng ý để Phú Quí cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh cũng không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trương Kim Pvà Trương Minh V đã trưởng thành nên anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng chị L có yêu cầu được nuôi Phú Quí, anh T cũng đồng để chị L nuôi dưỡng cháu Phú Quí sau khi ly hôn, hiện nay cháu Phú Quí đang sống với chị L cuộc sống của cháu đã ổn định và cháu Phú Quí cũng có ý nguyện vọng được sống với chị L. Do vậy, nên giao cháu Phú Quí cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Đoàn Thị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị L được ly hôn với anh Trương Minh T.

2. *Về con chung*: giao cháu Trương Minh Phú Q sinh ngày 18/03/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu Quí đang sống với chị L). Trương Kim P và Trương Minh V đã trưởng thành nên chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

4.Về nợ chung: chị L và anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp ngày 10/12/2021 theo biên lai số 0000085 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị L phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Số 43/2009 ngày 15/04/2009);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Bình, huyện Châu Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng L